

Bản án số: 03/2020/KDTM-ST

Ngày: 17.9.2020

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, TP ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hằng
- Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Thảo
Bà Lê Thị Nhớ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Anh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2020/TLST-KDTM ngày 19 tháng 3 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXX-ST ngày 19 tháng 5 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2020/QĐST-KDTM ngày 19 tháng 6 năm 2020; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 07/2020/QĐST-KDTM ngày 15 tháng 7 năm 2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số 07/TB-TA ngày 03.9.2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần T**; Địa chỉ: Số 89 đường L, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, địa chỉ tại Đà Nẵng: Số 112 đường P, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh H, ông Nguyễn Mạnh S, ông Trần Đình L và ông Lê Đăng H1, địa chỉ: Số 112 đường P, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT, ngày 02/3/2018 của Chủ tịch Hội đồng quản trị - Ngân hàng TMCP T và văn bản ủy quyền số 257/2020/UQ-VPB, ngày 10/02/2020 của Phó Giám đốc Trung tâm pháp luật của Ngân hàng TMCP T (ông L có mặt; ông H, ông S, ông H1 vắng mặt).

- Bị đơn: **Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại V**, địa chỉ: Số 55 đường Thái Thị B, phường Chính Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng - người đại diện theo pháp luật bà Lê Thị Mỹ Tr, chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Lê Thị Mỹ Tr**, sinh năm 1982, địa chỉ: Tổ 68, phường Ch, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

Công ty TNHH Thương Mại V vay vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần T (VPBank) Chi nhánh Đà Nẵng theo các văn kiện tín dụng cụ thể như sau:

1. Theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo số 260917-3641878-01-SME, ngày 28.09.2017:

- Tổng thời hạn mức tín dụng thẻ: 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).
- Thời hạn hạn mức tín dụng thẻ: 60 tháng.
- Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán chi phí hợp lý khác của công ty.

Bên vay đồng ý xác nhận rằng tỷ lệ thanh toán tối thiểu x % số dư nợ cuối kỳ để xác định thanh toán tối thiểu theo quy định tại điều kiện giao dịch chung là 5%. Bên vay đồng ý lãi suất thẻ tín dụng trong hạn được xác định theo mức lãi suất do VPBank quy định từng thời kỳ, phương thức tính lãi: Tiền lãi thẻ tín dụng được tính theo công thức sau: tiền lãi thẻ tín dụng = số tiền giao dịch x lãi suất thẻ tín dụng x số ngày thực tế sử dụng /360. Trong đó số tiền giao dịch là số tiền rút tại ATM/POS hoặc số tiền thanh toán hàng hóa dịch vụ - giá trị thanh toán tối thiểu. Lãi suất quá và chi phí chậm trả được tính theo quy tắc sau: Trong vòng 60 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán, nếu bên được cấp tín dụng không thanh toán đủ giá trị tối thiểu ghi nhận trên sao kê kỳ gần nhất, phần giá trị tối thiểu chưa thanh toán sẽ bị tính lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn đang áp dụng. Số dư nợ còn lại vẫn được tính theo mức lãi suất thẻ tín dụng trong hạn đang được áp dụng. Sau 60 ngày kể từ ngày thanh toán đầu tiên mà khách không thanh toán đủ trị giá thanh toán tối thiểu trong sao kê kỳ gần nhất thì toàn bộ dư nợ sẽ bị tính lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn đang được áp dụng. Ngoài khoản quá hạn khách hàng còn phải thanh toán khoản phí chậm trả theo quy định tại VPBank theo từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Theo hợp đồng cho vay hạn mức số: SME/DNA/18/0088/HĐHM ngày 15.01.2019 kèm theo khế ước nhận nợ số: SME/DNA/18/0088/HĐHM-02 ngày 19.03.2019:

- Số tiền vay: 330.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi triệu đồng).
- Thời hạn vay: 12 tháng.
- Các kỳ hạn trả nợ:

+ Gốc: Trả định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 25.04.2019.

+ Lãi: Trả định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 25.04.2019.

- Mục đích vay: Thanh toán tiền hàng. Lãi suất vay và kỳ hạn điều chỉnh: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 21,9%/năm, cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 01 tháng, lãi suất điều chỉnh 01 tháng/01 lần, ngày điều chỉnh đầu tiên là ngày 14.04.2019. Mức điều chỉnh lãi

suất bằng mức lãi suất bán vốn của bên ngân hàng do hội sở chính của bên ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn 12M và điều chỉnh lãi suất 01M tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 14%/năm.

3. Theo hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số: SME/DNA/18/0088/HDHMTTC ngày 13.11.2018:

- Số tiền vay: 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).
- Thời hạn vay: 12 tháng, kể từ ngày 13.11.2018.
- Các kỳ hạn trả nợ:

+ Gốc: Trong thời hạn duy trì hạn mức thấu chi bên ngân hàng sẽ tự động trích thu bất kỳ khoản tiền nào được ghi trên tài khoản thấu chi để thu nợ gốc thấu chi và bên vay có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ nợ gốc thấu chi chậm nhất vào ngày kết thúc thời hạn duy trì hạn mức thấu chi theo hợp đồng này.

+ Lãi: Tiền lãi sẽ do bên ngân hàng tính toán và thu theo định kỳ hàng tháng. Trong thời hạn duy trì hạn mức thấu chi bên ngân hàng sẽ tự động trích thu bất kỳ khoản tiền nào trên tài khoản thấu chi để thu nợ lãi thấu chi và bên vay có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ toàn bộ nợ lãi thấu chi chậm nhất vào ngày kết thúc thời hạn duy trì hạn mức thấu chi theo hợp đồng.

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động sản xuất hoạt động kinh doanh của bên vay.

- Lãi suất vay và kỳ hạn điều chỉnh: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm ký hợp đồng là 21,5%/năm, mức lãi suất này sẽ được cố định trong suốt thời gian duy trì hạn mức thấu chi trừ trường hợp bị điều chỉnh khi vượt hạn mức thấu chi. Lãi suất cho vay trong hạn trong trường hợp vượt hạn mức thấu chi bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm hạn mức thấu chi bị vượt. Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Theo các hợp đồng bảo lãnh số: 260917-2641878-01-SME/HĐBL ngày 26.09.2017; Hợp đồng bảo lãnh số: SME/DNA/18/0088/HĐBL ngày 13.11.2018; Hợp đồng bảo lãnh số: SME/DNA/18/0088/HĐBL.01 ngày 15.01.2019 của bà Lê Thị Mỹ Tr ký với VPBank. Theo đó bà Lê Thị Mỹ Tr đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là Công ty TNHH Thương Mại V trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ tương lai phát sinh từ tất cả các văn kiện tín dụng ký kết giữa bên được bảo lãnh với bên ngân hàng.

Công ty TNHH Thương Mại V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với VPBank kể từ ngày 24.04.2019 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Tính đến ngày 17.9.2020, Công ty TNHH Thương Mại V còn nợ VPBank số tiền cả ba Hợp đồng tín dụng nêu trên là:

+ Nợ gốc : 1.378.068.230 đồng.
+ Nợ lãi trong hạn: 886.486.722 đồng.
+ Nợ lãi trả chậm: 31.987.266 đồng.
+ Tổng cộng: 2.296.542.217 đồng. (Bằng chữ: Hai tỷ hai trăm chín mươi sáu triệu năm trăm bốn mươi hai ngàn hai trăm mười bảy đồng). Chi tiết từng hợp đồng như sau: Hợp đồng số SME/DNA/18 /0088/HDHMTc, ngày 13/11/2018, ngày vay 31/8/2019 tổng cộng 845.496.892đ; trong đó tiền gốc 551.920.575đ; lãi phải trả 273.847.059đ; lãi chậm trả 19.729.258đ; Hợp đồng số SME/DNA/18/0088/HĐHM ngày 15.01.2019 kèm theo khế ước nhận nợ số: SME/DNA/18/0088/HĐHM-02 ngày 19.03.2019; tổng cộng 500.672.074đ; trong đó tiền gốc 330.000.000đ, lãi phải trả 158.414.066đ; lãi chậm trả 12.258.008đ; Thẻ tín dụng ngày vay 02/10/2017; tổng cộng 950.373.251đ; trong đó tiền gốc 496.147.655đ; tiền lãi 454.225.597đ.

Nay Ngân hàng TMCP T khởi kiện, yêu cầu Công ty TNHH Thương mại V phải thanh toán ngay toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng dụng nêu trên. Trong trường hợp Công ty TNHH Thương mại V không thực hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ của mình thì yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị Mỹ Tr là người bảo lãnh nghĩa vụ trả nợ cho Công ty TNHH Thương Mại V, thực hiện thay toàn bộ nghĩa vụ của công ty theo các hợp đồng bảo lãnh đã ký kết.

* Bị đơn Công ty TNHH Thương mại V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Mỹ Tr đã được Toà án gửi thông báo thụ lý nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn; thông báo phiên hòa giải đúng thủ tục tố tụng nhưng Công ty và bà Tr cũng không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án theo Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc Công ty TNHH V phải trả cho Ngân hàng TMCP T số tiền 2.296.542.217đ trong đó tiền gốc 1.378.068.230đ; lãi quá hạn và trong hạn 886.486.722đ; tiền phạt chậm trả lãi 31.987.266đ (lãi tính đến ngày 17/9/2020) là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại các Điều 463, 464, 465, 466 Bộ luật Dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án KDTM về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng quy định tại Khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại V và bà Lê Thị Mỹ Tr tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người liên quan.

[3] Về nội dung: Theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo ngày 28.08.2017, Ngân hàng TMCP T có cho Công ty TNHH Thương mại V vay số tiền có tổng hạn mức tín dụng thẻ: 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng); Thời hạn hạn mức tín dụng thẻ: 60 tháng; Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán chi phí hợp lý khác của công ty. Theo hợp đồng cho vay hạn mức số: SME/DNA/18/0088/HĐHM ngày 15.01.2019 kèm theo khế ước nhận nợ số: SME/DNA/18/0088/HĐHM-02 ngày 19.03.2019: Ngân hàng TMCP T có cho Công ty TNHH Thương mại V vay số tiền: 330.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi triệu đồng). Thời hạn vay: 12 tháng. Các kỳ hạn trả nợ: Gốc: Trả định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 25.04.2019. Lãi: Trả định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 25.04.2019. Theo hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số: SME/DNA/18 /0088/HDHMTTC ngày 13.11.2018 Ngân hàng TMCP T có cho Công ty TNHH Thương mại V vay số tiền: 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng); Thời hạn vay: 12 tháng, kể từ ngày 13.11.2018; Các kỳ hạn trả nợ: Gốc: Trong thời hạn duy trì hạn mức thấu chi bên ngân hàng sẽ tự động trích thu bất kỳ khoản tiền nào được ghi trên tài khoản thấu chi để thu nợ gốc thấu chi và bên vay có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ nợ gốc thấu chi chậm nhất vào ngày kết thúc thời hạn duy trì hạn mức thấu chi theo hợp đồng này. Lãi: Tiền lãi sẽ do bên ngân hàng tính toán và thu theo định kỳ hàng tháng. Trong thời hạn duy trì hạn mức thấu chi bên ngân hàng sẽ tự động trích thu bất kỳ khoản tiền nào trên tài khoản thấu chi để thu nợ lãi thấu chi và bên vay có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ toàn bộ nợ lãi thấu chi chậm nhất vào ngày kết thúc thời hạn duy trì hạn mức thấu chi theo hợp đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động sản xuất hoạt động kinh doanh của bên vay. Lãi suất vay và kỳ hạn điều chỉnh: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm ký hợp đồng là 21,5%/năm, mức lãi suất này sẽ được cố định trong suốt thời gian duy trì hạn mức thấu chi trừ trường hợp bị điều chỉnh khi vượt hạn mức thấu chi.

[4] Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên thì cá nhân bà Lê Thị Mỹ Tr đã cam kết thực hiện toàn bộ nghĩa vụ thay cho Công ty TNHH Thương mại V và dùng mọi tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của mình hoặc thu xếp để có tài sản từ tất cả các nguồn khác để bảo đảm khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ bao gồm trả nợ gốc, lãi, các khoản phát sinh, tiền bồi thường thiệt hại, theo Hợp đồng bảo lãnh số 260917 - 3641878-01-SME/HĐBL ngày 26.9.2017; Hợp đồng bảo

lãnh số SME/DNA/18/0088/HDBL ngày 13.11.2018 và Hợp đồng bảo lãnh số SME/DNA/18/0088/HDBL ngày 15.01.2019

[5] Quá trình thực hiện Hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân chuyển vào tài khoản cho Công ty TNHH Thương mại V toàn bộ số tiền vay và cho sử dụng hạn mức thẻ tín dụng như đã cam kết. Kể từ ngày vay đến nay Công ty chỉ mới trả được số tiền lãi là 823.592đ cho Hợp đồng số SME/DNA/18/0088/HĐHM; Hợp đồng số SME/DNA/18/0088/HĐHMTTC số tiền gốc 50.800.032đ, còn tiền lãi chưa trả đồng nào. Hiện nay Công ty TNHH TM V còn nợ Ngân hàng tổng số tiền cả ba hợp đồng tín dụng là 2.296.542.217đ trong đó tiền gốc 1.378.068.230đ; lãi quá hạn và trong hạn 886.486.722đ; tiền phạt chậm trả lãi 31.987.266đ (lãi tính đến ngày 17/9/2020)

[6] Tại phiên tòa Ngân hàng yêu cầu Công ty TNHH Thương mại V phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi như đã nêu trên và tiếp tục tính lãi trong hạn và quá hạn theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày Công ty TNHH Thương mại V thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho VPBank.

[7] Trường hợp Công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị tòa án buộc bà Lê Thị Mỹ Tr có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty TNHH TM V và dùng toàn bộ tài sản hiện có của bà Tr để đảm bảo khả năng thực hiện trả số tiền nợ gốc, nợ lãi, theo các hợp đồng bảo lãnh mà bà Lê Thị Mỹ Tr đã ký với VPBank.

[8] Xét yêu cầu của Ngân hàng T thì thấy: Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo ngày 28.08.2017; Hợp đồng cho vay hạn mức số: SME/DNA/18/0088/HĐHM ngày 15.01.2019 và Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số: SME/DNA/18/0088/HĐHMTTC ngày 13.11.2018 giữa Ngân hàng T và Công ty TNHH Thương mại V là hợp đồng vay tín chấp không đảm bảo bằng tài sản, phù hợp với nội dung, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được pháp luật thừa nhận. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty đã nhận đủ số tiền để bổ sung vốn kinh doanh. Hiện nay Công ty TNHH Thương mại V còn nợ Ngân hàng số tiền 2.296.542.217đ trong đó tiền gốc 1.378.068.230đ; lãi quá hạn và trong hạn 886.486.722đ; tiền phạt chậm trả lãi 31.987.266đ (lãi tính đến ngày 17/9/2020). Nay đã quá thời hạn trả nợ theo Hợp đồng tín dụng nhưng Công ty vẫn chưa thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, mặc dù Ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở. Như vậy, Công ty đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm các cam kết trong Hợp đồng tín dụng cho vay từng lần và Khế ước nhận nợ nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T, buộc Công ty TNHH V phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền 2.296.542.217đ trong đó tiền gốc 1.378.068.230đ; lãi quá hạn và trong hạn 886.486.722đ; tiền phạt chậm trả lãi 31.987.266đ (lãi tính đến ngày 17/9/2020) là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463; Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[9] Trường hợp Công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa

vụ trả nợ thì bà Lê Thị Mỹ Tr có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty TNHH TNHH Thương mại V và dùng toàn bộ tài sản hiện có của bà Tr để đảm bảo khả năng thực hiện trả số tiền nợ gốc, nợ lãi, theo các hợp đồng bảo lãnh mà bà Lê Thị Mỹ Tr đã ký với VPBank.

[10] Về án phí KDTM sơ thẩm: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ban hành ngày 30.12.2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu trên số tiền phải trả $2.000.000.000đ = 72.000.000đ$; $296.542.217đ \times 2\% = 5.930.844đ$, tổng cộng 77.930.844 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 463, 464, 465, 466 Bộ luật dân sự 2015;
- Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ban hành ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng " của Ngân hàng TMCP T đối với bị đơn Công ty TNHH Thương mại V.

2. Xử: Buộc Công ty TNHH Thương mại V phải trả cho Ngân hàng TMCP T số tiền: 2.296.542.217đ (hai tỷ hai trăm chín mươi sáu triệu năm trăm bốn mươi hai ngàn hai trăm mười bảy đồng) trong đó tiền gốc 1.378.068.230đ; lãi quá hạn và trong hạn 886.486.722đ; tiền phạt chậm trả lãi 31.987.266đ (lãi tính đến ngày 17/9/2020).

Công ty TNHH Thương mại V còn phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng TMCP T kể từ ngày 18/9/2020 bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn trên số tiền gốc chưa thanh toán theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo ngày 28.08.2017; Hợp đồng cho vay hạn mức số: SME/DNA/18/0088/HĐHM ngày 15.01.2019 và Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số: SME/DNA/18/0088/HĐHMTTC ngày 13.11.2018 đã ký với Ngân hàng T cho đến khi thi hành xong mọi khoản nợ.

Nếu Công ty không trả được nợ thì cá nhân bà Lê Thị Mỹ Tr có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty TNHH Thương mại V và dùng toàn bộ tài sản riêng của mình để đảm bảo khả năng trả toàn bộ số nợ nêu trên cho Ngân hàng, theo các Hợp đồng bảo lãnh số 260917-3641878-01-SME/HĐBL ngày 26.9.2017; Hợp đồng bảo lãnh số SME/DNA/18/0088/HĐBL ngày 13.11.2018 và Hợp đồng bảo lãnh số SME/DNA/18/0088/HĐBL ngày 15.01.2019

giữa bà Lê Thị Mỹ Tr với VPBank.

3. Án phí KDTM sơ thẩm: 77.930.844đ Công ty TNHH Thương mại V phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP T số tiền tạm ứng án phí 21.015.257 đồng (hai mươi một triệu, không trăm mười lăm ngàn, hai trăm năm mươi bảy đồng) tại

Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 0001867 ngày 18 tháng 03 năm 2020.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án, trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Hằng